

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20-3-2024
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Vững

Bà Hồ Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/01/2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/02/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Bùi Chí C**, sinh năm 1997 (Có mặt);

Địa chỉ: **Khóm D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Chị **Phan Thị Diễm T**, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: **Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh **Bùi Chí C** trình bày:

Anh **C** và chị **Diễm T** sau thời gian yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2018, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 01/3/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống và

không tìm được tiếng nói chung. Nay, anh Công nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị **Phan Thị Diễm T**.

Quá trình sống chung anh **C** và chị **T** có một con chung là **Bùi Phan Bảo N**, sinh ngày 20/12/2020. Hiện nay con chung đang sống chung với chị **T**.

Nay anh **C** yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh **C** yêu cầu được ly hôn với chị **Phan Thị Diễm T**.

- Về con chung: Anh **C** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Bùi Phan Bảo N**, sinh ngày 20/12/2020, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Vì anh **C** có cuộc sống và điều kiện sống tốt hơn chị **T**. Anh ở nhà làm vườn, ruộng vì gia đình anh có 04 công ruộng, 06 công vườn và gia đình chỉ có mình anh là con trai, ngoài ra anh còn làm thuê cho những người ở gần nhà nên thu nhập một ngày của anh trung bình khoảng 300.000 đồng. Anh có nhà ở ổn định và cha mẹ anh cũng còn trẻ nên sẽ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc **Bảo N**. Đối với chị **T** khi ly thân với anh thì chỉ về ở tạm nhà cha mẹ ruột ở **ấp D, xã T** chứ không có nơi ở ổn định nên sẽ rất khó trong việc nuôi con. Do đó nếu anh được quyền nuôi con thì **Bảo N** sẽ có cuộc sống và điều kiện ăn học tốt hơn chị **T** nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị **Phan Thị Diễm T** trình bày:*

Chị **Phan Thị Diễm T** thống nhất với lời trình bày của anh **C** về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, thời gian vợ chồng mâu thuẫn, thời gian ly thân. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị đi làm trong Công ty, anh **C** hay uống rượu không lo làm ăn nên vợ chồng lời qua tiếng lại, anh **C** đánh chị, ngoài ra anh **C** hay nghi ngờ chị có người khác ở bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh **C** yêu cầu ly hôn với chị **T**, chị **T** có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Chị **T** đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh **Bùi Chí C**.

- Về nuôi con chung: Chị **T** yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Bùi Phan Bảo N**, sinh ngày 20/12/2020, không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con. Vì từ khi ly thân cho đến nay **Bảo N** do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **T** có việc làm và có thu nhập ổn định hàng tháng (trung bình 03 tháng gần đây là 6.758.000 đồng). Chị **T** có nơi ở hợp pháp và hiện nay chị **T** đang cho bé đi học tại **Trường mầm non H tại khóm C, thị trấn M, huyện T**, môi trường học đảm bảo điều kiện phát triển tốt về thể chất và tinh thần cho **Bảo N** và Trường học của **Bảo N** gần Công ty nơi chị **T** đang làm nên rất thuận tiện việc đưa rước con đi học. Khi chị có lịch làm tăng ca, trong giờ giải lao chị đến trường để cho **Bảo N** ăn và gửi bé tăng ca tại trường vì **trường mầm non H** có nhận giữ tăng ca, hết giờ làm thì chị về đón bé. Mặc dù con chị hơn 36 tháng tuổi nhưng mới chỉ 39

tháng tuổi còn rất nhỏ, rất cần tình thương và chăm sóc của mẹ vì từ trước đến nay **Bảo N** đều sống cùng chị và hiện nay cũng sống với chị.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

Anh **Bùi Chí C** trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị **Diễm T** và yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị **T** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Phan Thị Diễm T** trình bày: Chị đồng ý ly hôn với anh **C**. Chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã thực hiện đúng quy định pháp luật.
- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:
 - + Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh **C** và chị **T**.
 - + Về con chung: Giao con chung cho chị **T** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.
 - + Về cấp dưỡng nuôi con: Anh **C** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **T** tự nguyện không yêu cầu.
 - + Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.
 - + Về án phí quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn, có đăng ký kết hôn và yêu cầu được quyền nuôi con chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn **Phan Thị Diễm T** có địa chỉ ở **ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh **C** và chị **T** qua tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân thị trấn M** và được cấp giấy

chứng nhận kết hôn số 27 ngày 01/3/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh C và chị T thừa nhận xuất phát từ việc anh C đánh chị khi uống rượu, vợ chồng không tin tưởng nhau, chị T đi làm công ty anh C nghi ngờ chị có người khác bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cãi vã làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể hàn gắn nên đã ly từ tháng 10/2023 cho đến nay. Từ khi ly thân cho đến nay, anh C và chị T không tìm nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, anh C và chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tự nguyện ly hôn. Từ những phân tích trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh C và chị T.

[2.2] Quan hệ nuôi con: Anh C và chị T có một con chung là Bùi Phan Bảo N, sinh ngày 20/12/2020, hiện nay được 39 tháng tuổi là đã hơn 36 tháng tuổi. Hiện con chung đang sống với chị Diễm T. Khi ly hôn, anh C và chị T đều yêu cầu được quyền nuôi con chung, cả hai đều có tình cảm thiêng liêng dành cho con và cho rằng ai cũng có điều kiện tốt để nuôi con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần phải xem xét đến hoàn cảnh sống và điều kiện cụ thể của từng bên mới đủ căn cứ giao con chung cho ai nuôi dưỡng là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh C và chị T đều có việc làm, thu nhập đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Anh C sống cùng với cha mẹ ruột, ở nhà phụ tiếp cha mẹ làm ruộng, vườn và làm thuê. Anh C thừa nhận con chung từ khi ly thân cho đến nay đều do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cho đi học tại Trường H, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và từ khi ly thân cho đến nay chị T nuôi dưỡng con tốt và có tạo điều kiện cho anh C thăm con, rước con về nhà nội chơi. Anh C cho rằng chị T đi làm công ty nên thời gian đưa rước con đi học sẽ không đảm bảo, anh là lao động tự do nên sẽ đảm bảo thời gian hơn chị T. Hơn nữa anh C cho rằng chị T không có nhà ở ổn định, hiện tại chỉ ở nhờ nhà cha mẹ ruột ở T nên cũng không đảm bảo về điều kiện nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, về nơi ở thì chị T và anh C đều ở nhà chung với cha mẹ ruột, hoàn cảnh gia đình đều như nhau, từ khi ly thân cho đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng Bảo N và cho đi học tại trường H và theo xác nhận của Trường mầm non H thì chị T là người trực tiếp đưa đón Bảo N đi học.

Ngoài ra, anh C cho rằng chị T đi làm quen bạn bè không tốt nên nếu chị T nuôi dưỡng Bảo N sẽ ảnh hưởng tâm lý của con sau này.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh C và chị T không bị pháp luật hạn chế về quyền nuôi con. Chị T mặc dù đi làm nhưng vẫn đảm bảo cho con được đi học, phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và hiện nay Bảo N chỉ mới 39 tháng tuổi, mặc dù đã hơn 36 tháng tuổi nhưng cũng còn quá nhỏ do đó cần có sự quan tâm, chăm sóc giáo dục của mẹ và để đảm bảo phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ nên cần giao con chung Bùi Phan Bảo N cho chị T nuôi dưỡng. Ngoài những cơ sở trên thì anh C không chứng minh được chị T không đủ điều

kiện để nuôi dưỡng con chung cũng như thỏa thuận giao con chung cho anh **C** nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống bình thường, ổn định của **Bảo N** nên cần giao con chung cho chị **T** nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về quan hệ tài sản: Anh **C** và chị **T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về quan hệ nợ: Anh **C** và chị **T** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nghĩa vụ chịu án phí như sau:

Anh **Bùi Chí C** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002955 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị **Phan Thị Diễm T** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh **C** và chị **T**.

2. Quan hệ nuôi con: Giao **Bùi Phan Bảo N**, sinh ngày 20/12/2020 cho chị **Phan Thị Diễm T** trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh **Bùi Chí C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị **T** tự nguyện không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

4. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về quan hệ nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

7. Về án phí:

Anh **Bùi Chí C** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002955 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị **Phan Thị Diễm T** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thủy – Lê Văn Vững

Huỳnh Thị Diễm Hương

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Diễm Hương

